

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG
Bản án số: 42/2022/DS-ST
Ngày 22 - 9 - 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Nam
Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-DS ngày 16/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 132/2022/QĐST-DS ngày 06/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P. Trụ sở: Số X Bis đường N, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu T-Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân Phòng giao dịch L-Ngân hàng TMCP P (Quyết định số X/2021/QĐ-TGD ngày 23.9.2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP P và số Y ngày 22.02.2022 của Giám đốc Ngân hàng TMCP P Chi nhánh Đ). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Như T, sinh năm: 1970 và bà Trương Thị H, sinh năm: 1973; Cùng địa chỉ: KY đường H, tổ Z phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện đề, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 20/5/2020 Ngân hàng TMCP P và ông Lê Như T, bà Trương Thị H ký kết 02 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 8535/20MB/HĐTD: Số tiền vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay 12 tháng, phương thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng, lãi suất vay được quy định cụ thể theo Khế ước vay kèm giấy nhận nợ số 8535/20MB/HĐTD/KUNN02 ngày 17/5/2021, mục đích vay để kinh

doanh.

- Hợp đồng tín dụng số 8535.01/20MB/HĐTD: Số tiền vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 240 tháng, phương thức trả nợ: Gốc trả hàng tháng, lãi trả hàng tháng, lãi suất vay được quy định cụ thể theo Khế ước vay kèm giấy nhận nợ số 8535/20MB/HĐTD/KUNN01 ngày 21/05/2020, mục đích vay mua bất động sản.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay nêu trên, ông T, bà H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số A, tờ bản đồ số B tại địa chỉ Tổ Y phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng được UBND quận S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX ngày 12/3/2019 đứng tên bà Trần Thị N; được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S chỉnh lý biến động ngày 02/7/2019 cho ông Lê Như T và bà Trương Thị H ngày 02/7/2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 8535/20MB/HĐBĐ ngày 20/5/2020. Hợp đồng thế chấp trên được công chứng tại Văn phòng Công chứng N ngày 20/5/2020, số công chứng: Y, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S ngày 20/5/2020.

Trong quá trình quan hệ tín dụng ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các nội dung cam kết thỏa thuận mà hai bên đã ký kết từ ngày 21/5/2020, cụ thể: Khoản tiền vay 1.000.000.000 đồng đã hết thời hạn hợp đồng từ ngày 17/5/2022 nên tính lãi quá hạn từ ngày này; khoản vay 500.000.000 đồng, đã trả gốc được 37.537.242 đồng và lãi, đến ngày 25/11/2021 không trả gốc và lãi nên tính lãi quá hạn từ ngày này. Mặc dù, đại diện Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc, làm việc, yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà H không thanh toán cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 21/9/2022, ông T, bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.639.143.332 đồng (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng*), trong đó: Nợ gốc: 1.481.166.516 đồng và nợ lãi 157.976.816 đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 8535/20MB/HĐTD:

+ Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 118.030.245 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 8535.01/20MB/HĐTD:

+ Nợ gốc: 481.166.516 đồng.

+ Nợ lãi: 39.946.571 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP P yêu cầu ông Lê Như T, bà Trương Thị H thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 21/9/2022 là 1.639.143.332 đồng (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng*), trong đó: Nợ gốc 1.481.166.516 đồng và nợ lãi 157.976.816 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8535/20MB/HĐTD và số 8535.01/20MB/HĐTD ngày 20/5/2020, Khế ước vay kèm giấy nhận nợ số 8535/20MB/HĐTD/KUNN02 ngày 17/5/2021 và số 8535/20MB/HĐTD/KUNN01 ngày 21/05/2020.

Trường hợp ông Lê Như T, bà Trương Thị H không thanh toán được nợ, yêu

cầu xử lý tài sản đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B tại địa chỉ Tổ Y phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng được UBND quận S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX ngày 12/3/2019 đứng tên bà Trần Thị N; được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S chỉnh lý biến động ngày 02/7/2019 cho ông Lê Như T và bà Trương Thị H ngày 02/7/2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 8535/20MB/HĐBĐ ngày 20/5/2020.

Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Lê Như T, bà Trương Thị H tại Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà ông T, bà Trương Thị H để tiếp tục thu hồi nợ vay theo quy định pháp luật.

*** Bị đơn ông Lê Như T, bà Trương Thị H** mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nhưng có ý kiến phản hồi tại Đơn xin vắng mặt ngày 04/7/2022, 19/9/2022 như sau: Ông, bà cùng trú tại KX đường H, thành phố Đà Nẵng, có nhận được văn bản tố tụng của Tòa án và xin vắng mặt do đang có công việc tại Sài Gòn, chờ các đối tác thanh toán tài chính cho ông, bà. Vì dịch bệnh kéo dài kéo theo trễ hợp đồng với Ngân hàng trong thời gian qua. Mong xem xét, tạo điều kiện cho ông, bà có thời gian và tìm hướng giải quyết với Ngân hàng trong thời gian sớm nhất có thể và mong Ngân hàng thu hồi lại đơn kiện.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 299, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P đối với ông Lê Như T, bà Trương Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Buộc ông Lê Như T, bà Trương Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 21/9/2022 là 1.639.143.332 đồng (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng*), trong đó: Nợ gốc 1.481.166.516 đồng và nợ lãi 157.976.816 đồng và lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng và Khế ước vay kèm giấy nhận nợ đã ký kết.

Nếu ông Lê Như T và bà Trương Thị H không trả số nợ nêu trên cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B tại địa chỉ Tổ Y phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng được UBND quận S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX ngày 12/3/2019 đứng tên bà Trần Thị N; được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S chỉnh lý biến động ngày 02/7/2019 cho ông Lê Như T và bà Trương Thị H ngày 02/7/2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 8535/20MB/HĐBĐ ngày 20/5/2020 sẽ bị phát mãi để Ngân hàng thu hồi nợ.

Trường hợp, sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại thì ông T, bà H vẫn phải có trách nhiệm trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Về chi phí tố tụng, án phí: Ông T, bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP P đối với bị đơn ông ông Lê Như T, bà Trương Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P thì thấy:

Ông Lê Như T, bà Trương Thị H có vay Ngân hàng TMCP P theo 02 Hợp đồng tín dụng ngày 21/5/2020, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 8535/20MB/HĐTD: Số tiền vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay 12 tháng, phương thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng, lãi suất vay được quy định cụ thể theo Khế ước vay kèm giấy nhận nợ số 8535/20MB/HĐTD/KUNN02 ngày 17/5/2021, mục đích vay để kinh doanh.

- Hợp đồng tín dụng số 8535.01/20MB/HĐTD: Số tiền vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 240 tháng, phương thức trả nợ: Gốc trả hàng tháng, lãi trả hàng tháng, lãi suất vay được quy định cụ thể theo Khế ước vay kèm giấy nhận nợ số 8535/20MB/HĐTD/KUNN01 ngày 21/5/2020, mục đích vay mua bất động sản.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 8535/20MB/HĐTD ngày 21/5/2020, Ngân hàng đã cho ông T, bà H vay số tiền 1.000.000.000 đồng, khoản vay này ông T, bà H đã tắt toán xong và trong thời hạn Hợp đồng tín dụng này còn hiệu lực nên Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho ông T, bà H vay số tiền 1.000.000.000 đồng theo Khế ước vay kèm giấy nhận nợ số 8535/20MB/HĐTD/KUNN02 ngày 17/5/2021.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng số 8535/20MB/HĐTD và số 8535.01/20MB/HĐTD ngày 20/5/2020, Khế ước vay kèm giấy nhận nợ số 8535/20MB/HĐTD/KUNN02 ngày 17/5/2021 và số 8535/20MB/HĐTD/KUNN01 ngày 21/05/2020 được ký kết giữa Ngân hàng và ông T, bà H đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, có nội dung phù hợp quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được thừa nhận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà H chỉ thanh toán được lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng số 8535/20MB/HĐTD, còn nợ gốc

1.000.000.000 đồng chưa thanh toán nên ngày từ ngày 17/5/2022 tính lãi quá hạn; còn Hợp đồng tín dụng số 8535.01/20MB/HĐTD, trả gốc được 37.537.242 đồng và lãi nên tính lãi quá hạn từ ngày 25/11/2021. Ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng, mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản nhắc nợ, đôn đốc và làm việc để tạo điều kiện cho trả nợ nhưng ông T, bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng không đồng ý cho ông T, bà H có thời gian và tìm hướng giải quyết để trả nợ như đề nghị của ông T, bà H mà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông T, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/9/2022 là 1.639.143.332 đồng (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng*), trong đó: Nợ gốc: 1.481.166.516 đồng và nợ lãi 157.976.816 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 8535/20MB/HĐTD:
 - + Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng.
 - + Nợ lãi: 118.030.245 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 8535.01/20MB/HĐTD:
 - + Nợ gốc: 481.166.516 đồng.
 - + Nợ lãi: 39.946.571 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 22/9/2022 cho đến khi ông T, bà H thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8535/20MB/HĐTD và số 8535.01/20MB/HĐTD ngày 20/5/2020, Khế ước vay kèm giấy nhận nợ số 8535/20MB/HĐTD/KUNN02 ngày 17/5/2021 và số 8535/20MB/HĐTD/KUNN01 ngày 21/05/2020.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 8535/20MB/HĐBĐ ngày 20/5/2020 ký kết giữa Ngân hàng TMCP P và ông Thương, bà Huyền đứng thủ tục và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, ông T, bà H đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B tại địa chỉ Tổ Y phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng được UBND quận S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX ngày 12/3/2019 đứng tên bà Trần Thị N; được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S chỉnh lý biến động ngày 02/7/2019 cho ông Lê Như T và bà Trương Thị H ngày 02/7/2019 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nếu ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì căn cứ Điều 299 Bộ luật Dân sự, Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi vốn cho Ngân hàng TMCP P.

Trường hợp, sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại thì ông T, bà H vẫn phải có trách nhiệm trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP P.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P được chấp nhận nên ông T, bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP P đối với ông Lê Như T, bà Trương Thị H.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Như T, bà Trương Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/9/2022 là 1.639.143.332 đồng (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng*), trong đó: Nợ gốc: 1.481.166.516 đồng và nợ lãi 157.976.816 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 8535/20MB/HĐTD:

+ Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 118.030.245 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 8535.01/20MB/HĐTD:

+ Nợ gốc: 481.166.516 đồng.

+ Nợ lãi: 39.946.571 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 22/9/2022 cho đến khi ông T, bà H thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8535/20MB/HĐTD và số 8535.01/20MB/HĐTD ngày 20/5/2020, Khế ước vay kèm giấy nhận nợ số 8535/20MB/HĐTD/KUNN02 ngày 17/5/2021 và số 8535/20MB/HĐTD/KUNN01 ngày 21/05/2020.

Nếu ông Lê Như T và bà Trương Thị H không trả số nợ nêu trên cho HDBank thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B tại địa chỉ Tổ Y phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng được UBND quận S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX ngày 12/3/2019 đứng tên bà Trần Thị N; được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S chỉnh lý biến động ngày 02/7/2019 cho ông Lê Như T và bà Trương Thị H ngày 02/7/2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 8535/20MB/HĐBĐ ngày

20/5/2020 sẽ bị phát mãi để Ngân hàng TMCP P thu hồi nợ.

Trường hợp, sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại thì ông T, bà H vẫn phải có trách nhiệm trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP P.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng ông T, bà H phải chịu; Ngân hàng TMCP P đã tạm ứng và chi phí xong. Ông T, bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 61.174.000đ (Sáu mươi một triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn đồng) ông Lê Như T, bà Trương Thị H phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 29.270.000 đồng (Hai mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003231 ngày 28/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 22.9.2022; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Sơn Trà;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp